TÒA ÁNNHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày 26 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Duyên

Bà Kiều Thị Thắng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huy Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Trịnh Văn H, sinh ngày 11/8/1994; nơi cư trú: Số A- K, phường N, quận B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn X và bà Trịnh Thị H1; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Tại Bản án số 259/2016/HSST ngày 30/11/2016, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 09 năm tù về tội "Cướp tài sản". Ngày 30/11/2016, chấp hành xong án phí; ngày 22/9/2022, chấp hành xong hình phạt tù;

Nhân thân: Ngày 17/5/2012, Công an phường C, quận H, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Mua dâm", hình thức: Phạt tiền, mức phạt: 375.000đ.

Ngày 07/6/2012, Công an phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", hình thức: Phạt tiền, mức phạt: 750.000đ.

Ngày 15/9/2012, Công an quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích", hình thức: Phạt tiền, mức phạt: 750.000đ.

Ngày 13/5/2013, Trịnh Văn H đi chấp hành tại Cơ sở giáo dục bắt buộc T3 theo Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 05/02/2013 của UBND thành phố H, thời hạn 18 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2023 đến nay (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1992; địa chỉ: số D N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Chị Trần Thảo V, sinh năm 2001; địa chỉ: Số A, tổ D, cụm E, phường L, quận B, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ ngày 01/9/2023, Trịnh Văn H đến khu vực quận C, thành phố Hà Nội tìm mua ma túy để sử dụng cho bản thân. H gặp và mua 01 túi ma túy Ketamine, 10 viên ma túy tổng hợp dạng kẹo (trong đó 05 viên nén màu hồng hình chữ nhật, 05 viên nén màu cam hình đầu lâu) và 01 gói ma túy Ketamine (hay còn gọi là nước vui) với giá 16.000.000đ của 01 người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ. Sau khi mua được ma túy, H mang về nhà rồi lấy một ít ma túy Ketamine sử dụng cho bản thân, số ma túy còn lại H cất vào 01 túi xách đeo trước ngực và luôn mang theo người để sử dụng dần. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/9/2023, H nhận được điện thoại qua ứng dụng Telegram của 01 người bạn nam giới tên là T1 rủ H về Vĩnh Phúc chơi, đồng thời T1 bảo H mang theo ma túy Ketamine, ma túy kẹo và nước vui để sử dụng, H đồng ý. Sau đó, H rủ chị Trần Thảo V (bạn gái của H) cùng đi và không nói cho chị V biết việc đến Vĩnh Phúc để sử dụng ma túy. H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, BKS: 30H - 222.02 chở chị V đi từ Hà Nội đến Vĩnh Phúc và mang theo toàn bộ số ma túy trên. Trên đường đi, T1 nhắn tin gửi vị trí qua Zalo cho H biết để đi theo định vị. Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, H đến quán K, địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc của ông Lê Văn T là chủ quán. Khi H và chị V đến thì T1 đi ra ngoài đón H và chị V rồi đưa vào phòng hát số 03, trong phòng lúc này có 01 người đàn ông (là bạn của T1, không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) đang ngồi hát. Khoảng vài phút sau, T1 đi ra ngoài, H lấy số ma túy mang theo trong túi xách để lên bàn uống nước và chuẩn bị sử dụng thì thấy người đàn ông bạn của T1 đi ra khỏi phòng, không rõ đi đâu, làm gì. Khi H đang chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị Công an huyện T kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Tang vật thu giữ gồm: T2 trên bàn uống nước trong phòng 01 túi nilon màu trắng, có khóa bấm màu trắng, viền màu đỏ, bên trong túi nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng dạng đá, niêm phong ký hiệu A1; 01 túi nilon màu trắng, có

khóa bấm màu trắng, viền màu đỏ, bên trong có chứa 10 viên nén (trong đó 05 viên nén màu hồng hình chữ nhật, 05 viên nén màu cam hình đầu lâu) niêm phong ký hiệu A2; 01 túi nilon hình vuông in chữ nước ngoài, có chữ "CHALI" niêm phong ký hiệu A3; 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng; 01 thẻ cứng có chữ Vietnamobile; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 bật lửa gas màu đỏ. H khai nhận đây là ma túy Ketamine, ma túy kẹo và các đồ vật đều là của H mang theo để sử dụng ma túy. Ngoài ra, Cơ quan Công an còn tạm giữ của H 01 túi xách nhãn hiệu "LOUIS VUITTON PARIS" chất liệu vải da; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, mặt sau màu đỏ, bên trong lắp thẻ sim số 0843.637.784; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, BKS: 30H- 222.02, đều đã qua sử dụng.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Văn H ở số A, ngách E, đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Kết quả không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Kết quả xét nghiệm ma túy: Trịnh Văn H dương tính với chất ma túy tổng hợp, chị Trần Thảo V âm tính với chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 2463/KLGĐ ngày 07/9/2023 của Phòng K1 - Công an tỉnh V, kết luận: *"Các hạt tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 16,6380 gam (Mười sáu phẩy sáu ba tám không gam, không kể bao bì) loại Ketamine; 05 viên nén màu hồng có trong mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 2,0751 gam (Hai phẩy không bảy lăm một gam, không kể bao bì) loại MDMA; 05 viên nén màu cam có trong mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 2,4876 gam (Hai phẩy bốn tám bảy sáu gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine"*. Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu gồm: A1 = 16,3532 gam; A2 màu hồng = 1,8967 gam; A2 màu cam = 2,2795 gam cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong một bao gói giấy "MẪU TRẢ".

Tại Kết luận giám định số 6541/KL-KTHS ngày 15/9/2023 của V1 - Bộ C xác định: *"Mẫu chất bột màu cam trong 01 túi nilon nhãn CHALI (ký hiệu A3) gửi giám định có chứa chất ma túy Ketamine, khối lượng mẫu chất bột màu cam là 1,524gam, hàm lượng Ketamine là 15,0%, khối lượng Ketamine trong 1,524 gam mẫu là 0,228gam"*. Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu 1,251 gam và vỏ bao gói được niêm phong trong một phong bì, có dấu hình tròn màu đỏ của V1 - Bộ C.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Trịnh Văn H, quá trình điều tra H khai ngày 01/9/2023 là lần đầu tiên H mua ma túy của người đàn ông này. H không biết tên, tuổi và địa chỉ của người này, ngoài lời khai của H không có tài liệu nào xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông đã bán ma túy cho H nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với người đàn ông tên là T1 rủ H mang ma túy đến Vĩnh Phúc để sử dụng, quá trình điều tra H khai không biết địa chỉ của T1, chỉ biết T1 sử dụng số điện thoại 0968.891.990 và 0373.769.369. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại cửa hàng G huyện T, xác định số thuê bao 0968.891.990 đứng tên anh Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1980, trú tại G xóm C, đường V, phường L, quận H và số thuê bao 0373.769.369 đứng tên chị Phạm Thị H4, sinh năm 1988, trú tại thôn L, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, qua làm việc với Cơ quan điều tra chị H4 khai chưa từng đăng ký hay sử dụng số điện thoại này và cũng không biết tại sao số thuê bao này đứng tên chính chủ của chị, bản thân chị không có mối quan hệ hay quen biết gì với Trịnh Văn H. Đối với anh Nguyễn Thanh H3, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập và xác minh nhưng hiện nay anh H3 cùng gia đình đã chuyển đi nơi khác sinh sống, không cư trú tại địa phương, không xác định được ở đâu. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với chị Trần Thảo V, quá trình điều tra xác định, chị V được Trịnh Văn H rủ về Vĩnh Phúc chơi nhưng H không nói hay trao đổi gì với chị V mục đích về Vĩnh Phúc là để sử dụng ma túy. Tại phòng hát, khi H vừa bỏ ma túy ra và chuẩn bị sử dụng thì bị Cơ quan Công an vào kiểm tra bắt quả tang, lúc này chị V mới biết H tàng trữ trái phép chất ma túy, bản thân chị V không sử dụng ma túy và cũng không liên quan đến hành vi phạm tội của H. Kết quả xét nghiệm ma túy của chị V là âm tính. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị V.

Đối với người đàn ông đi cùng T1, quá trình điều tra Trịnh Văn H khai người đàn ông này là bạn của T1, đây là lần đầu tiên H gặp và H cũng không biết tên, tuổi và địa chỉ của người này, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với ông Lê Văn T là chủ quán K, quá trình điều tra xác định việc Trịnh Văn H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại quán thì ông T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của H, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản kiểm tra nhật ký cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến đối với điện thoại thu giữ của Trịnh Văn H thể hiện có cuộc gọi đi, gọi đến giữa H và người đàn ông tên là T1 phù hợp với nội dung đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 15/CT-VKSTD ngày 24/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương truy tố bị cáo Trịnh Văn H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm n, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương đề nghị giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm n, o khoản 2 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Trịnh Văn H từ 06

năm 09 tháng đến 07 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 03/9/2023.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật hoàn trả sau giám định của phòng K1 - Công an tỉnh V ký hiệu A1 = 16,3532 gam; A2 màu hồng = 1,8967 gam; A2 màu cam = 2,2795 gam cùng toàn bộ bao gói và mẫu vật hoàn trả sau giám định của V1 - Bộ C gồm A3 = 1,251 gam cùng vỏ bao gói. Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ cứng có chữ Vietnamobile, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bật lửa gas màu đỏ, 01 túi xách bằng vải da, nhãn hiệu "LOUIS VUITTON PARIS". Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng. Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, bên trong lắp thẻ sim số 0843.637.784 của Trịnh Văn H.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trịnh Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/9/2023, tại phòng hát số 03 của quán K, địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trịnh Văn H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, qua giám định kết luận: 01 túi ma túy loại Ketamine có khối lượng 16,6380 gam; 01 túi ma túy có chứa 10 viên nén, trong đó 05 viên nén màu hồng là ma túy loại MDMA có khối lượng 2,0751 gam; 05 viên nén màu cam là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 2,4876 gam; 01 túi chất bột màu cam có chứa chất ma túy Ketamine có khối lượng 0,228 gam, mục đích sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Công an huyện T kiểm tra, phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 19 ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng chất ma túy, trong trường hợp các chất ma túy không được quy định trong cùng một điểm thuộc các khoản của Điều 249 Bộ luật hình sự, thì tỷ lệ phần trăm khối lượng ma túy MDMA là: (2,0751g/5g) x 100% = 41,502%; tỷ lệ phần trăm khối lượng ma túy Ketamine là: (16,866g/20g) x 100% = 84,33%; tỷ lệ phần trăm khối lượng ma túy Methamphetamine là: (2,4876g/5g) x 100% = 49,752%. Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng chất ma túy MDMA, Ketamine và M là: 41,502% + 84,33% + 49,752% = 175,584%. Do tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng 03 chất ma túy là trên 100% nên cần tiếp tục tính tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của các chất so với mức tối thiểu của từng chất đó quy định tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Như vậy, tỷ lệ phần trăm khối lượng ma túy MDMA là: (2,0751g/30g) x 100% = 6,917%; tỷ lệ phần trăm khối lượng ma túy Ketamine là: (16,866g/100g) x 100% = 16,866%; tỷ lệ phần trăm khối lượng ma túy Methamphetamine là: (2,4876g/30g) x 100% = 8,292%. Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng chất ma túy MDMA, Ketamine và M là: 6,917% + 16,866% + 8,292 = 32,075%, dưới 100% nên thuộc trường hợp quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Trước khi phạm tội, Trịnh Văn H đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, đến thời điểm phạm tội ngày 03/9/2023 H chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, vì vậy lần phạm tội này của Trịnh Văn H thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi nêu trên của Trịnh Văn H đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm n, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) ...

n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này;

o) Tái phạm nguy hiểm."

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được

tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có 01 tiền án về tội "Cướp tài sản", năm 2012 bị cáo đã 03 lần bị xử phạt hành chính về các hành vi "Mua dâm", "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Cố ý gây thương tích", đến năm 2013 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng..."*, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản, vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với người đàn ông bán ma túy cho H, quá trình điều tra H khai nhận không biết tên, địa chỉ cụ thể, nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh xử lý.

Đối với người đàn ông tên T1 rủ H mang ma túy đến Vĩnh Phúc để sử dụng, quá trình điều tra H khai không biết địa chỉ của T1, chỉ biết T1 sử dụng số điện thoại 0968.891.990 và 0373.769.369. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại cửa hàng G huyện T, xác định số thuê bao 0968.891.990 đứng tên anh Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1980, trú tại G xóm C, đường V, phường L, quận H và số thuê bao 0373.769.369 đứng tên chị Phạm Thị H4, sinh năm 1988, trú tại thôn L, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, qua làm việc với Cơ quan điều tra chị H4 khai chưa từng đăng ký hay sử dụng số điện thoại này và cũng không biết tại sao số thuê bao này đứng tên chính chủ của chị, bản thân chị không có mối quan hệ hay quen biết gì với Trịnh Văn H. Đối với anh Nguyễn Thanh H3, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập và xác minh nhưng hiện nay anh H3 cùng gia đình đã chuyển đi nơi khác sinh sống, không cư trú tại địa phương, không xác định được ở đâu. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với chị Trần Thảo V, quá trình điều tra xác định, chị V được H rủ về Vĩnh Phúc chơi nhưng H không nói hay trao đổi gì với chị V mục đích về Vĩnh Phúc là để sử dụng ma túy. Tại phòng hát, khi H vừa bỏ ma túy ra và chuẩn bị sử dụng thì bị Cơ quan Công an vào kiểm tra bắt quả tang, lúc này chị V mới biết H tàng trữ trái phép chất ma túy, bản thân chị V không sử dụng ma túy và cũng không liên quan

đến hành vi phạm tội của H. Kết quả xét nghiệm ma túy của chị V là âm tính. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị V.

Đối với người đàn ông đi cùng T1, quá trình điều tra H khai người đàn ông này là bạn của T1, đây là lần đầu tiên H gặp và H cũng không biết tên, tuổi và địa chỉ của người này, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với ông Lê Văn T là chủ quán K, quá trình điều tra xác định việc H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại quán thì ông T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của H, do vậy Cơ quan điều tra không để cập xử lý ông T.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với mẫu vật hoàn trả sau giám định của Phòng K1 - Công an tỉnh V gồm: A1 = 16,3532 gam, A2 màu hồng = 1,8967 gam, A2 màu cam = 2,2795 gam cùng toàn bộ bao gói và mẫu vật hoàn trả sau giám định của V1 - Bộ C gồm A3 = 1,251 gam cùng vỏ bao gói được niêm phong, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng được cuộn thành ống hút, 01 thẻ cứng có chữ Vietnamobile, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bật lửa gas màu đỏ, đều đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của H làm công cụ sử dụng ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng và tịch thu tiêu hủy đối với 01 thẻ cứng có chữ Vietnamobile, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bật lửa gas màu đỏ.

Đối với 01 túi xách bằng vải da, nhãn hiệu "LOUIS VUITTON PARIS", đã qua sử dụng tạm giữ của H, quá trình điều tra xác định là tài sản của H sử dụng cất giấu ma túy, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, bên trong lắp thẻ sim số 0843.637.784, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của H sử dụng liên lạc với người đàn ông tên là T1 để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, BKS: 30H – 222.02, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu H2. Ngày 03/9/2023, H mượn xe ô tô của chị H2 để đi có việc, sau đó tự ý sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, chị H2 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của H. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại xe ô tô trên cho chị H2, chị H2 nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn H phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm n, o khoản 2 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình

sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn H 07 (B) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03/9/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật hoàn trả còn lại sau giám định là A1 = 16,3532 gam, A2 màu hồng = 1,8967 gam, A2 màu cam = 2,2795 gam, A3 = 1,251 gam cùng toàn bộ bao gói.

Tịch thu, tiêu hủy 01 thẻ cứng có chữ Vietnamobile, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bật lửa gas màu đỏ, 01 túi xách bằng vải da, nhãn hiệu "LOUIS VUITTON PARIS", đã qua sử dụng.

Tịch thu, bán phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, bên trong lắp thẻ sim số 0843.637.784.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 27/02/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trịnh Văn H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Dương;
- Công an huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Lưu HS,VP, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh